

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/07/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**.

- Các Hội Thẩm Nhân Dân: 1. Ông **Nguyễn Thành Thái**;

2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Ông **Lâm Sễn** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 192/2023/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2023, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44a/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: ấp Thạnh An, xã Mong Thọ A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Chị T có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh **Lê Thanh H**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp Thạnh An, xã Mong Thọ A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Anh H vắng mặt phiên tòa lần thứ 2)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị **Trần Thị Thanh T** trình bày: Tôi và anh Lê

Thanh Hoàng kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh, TP Cần Thơ số: số 72, ngày 10 tháng 07 năm 2012.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với anh Hoàng vợ chồng chị có 02 người con chung tên Lê Thị Kim Ngân, sinh ngày 06/11/2006 và Lê Thị Ánh Đẹp, sinh ngày 25/05/2009 hiện đang sống cùng chị Tuyền

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị

Thời gian đầu vợ chồng chị sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau giữa chị và anh Hoàng không hiểu nhau và phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống không giải quyết được dẫn đến thường xuyên cãi vã, gây lộn trong gia đình. Nhận thấy không thể có một cuộc hôn nhân hạnh phúc nên chị và anh Hoàng ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, cuộc hôn nhân không thể nếu kéo nên chị làm đơn yêu cầu ly hôn với anh Hoàng để giải thoát cho nhau.

*Tại phiên tòa, chị Trần Thị Thanh Tuyền yêu cầu:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với anh Lê Thanh H.

- Về con chung: Chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc người 02 người con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 06/11/2006 và Lê Thị Ánh Đ, sinh ngày 25/05/2009, chị Tuyền không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Lê Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng H điều không có mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

\* *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Thanh Tuyền khởi kiện “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” với anh Lê Thanh Hoàng và hiện nay bị đơn có trú tại ấp Thạnh An, xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Lê Thanh Hoàng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 theo quy định pháp luật nhưng anh Hoàng vắng mặt không lý do nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Lê Thanh H xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật tại UBND xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh, TP Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Tuyền nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình, cách sống, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Thực tế chị T và anh H đã sống ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Đối với anh H, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng để anh H biết và mời anh lên làm việc nhưng anh H vẫn không có mặt theo thông báo của Tòa án điều này thể hiện anh Hoàng không muốn hòa giải cũng như không muốn hàn gắn để được đoàn tụ với chị Trần Thị Thanh Tuyền.

HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Tuyền và anh Hoàng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tuyền vẫn cương quyết ly hôn với anh Hoàng để ổn định cuộc sống. Do vậy, yêu cầu của chị Tuyền xin ly hôn với anh Hoàng là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị có 02 người con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 06/11/2006 và Lê Thị Ánh Đ, sinh ngày 25/05/2009 hiện đang sống cùng chị Tuyền và tại phiên tòa chị T được yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kim Ngân và cháu Ánh Đẹp, đồng thời tại biên bản ghi ý kiến và nguyện vọng của 02 cháu thì 02 cháu đều có nguyện vọng sống với chị Tuyền. HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng chị Tuyền sống ly thân với nhau đến nay cháu Kim Ngân và cháu Ánh Đẹp đều do chị T chăm sóc nuôi dưỡng nên HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao 02 cháu cho chị Tuyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật và đúng với nguyện vọng của 02 cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị Trần Thị Thanh T về quyền yêu cầu anh Lê Thanh H cấp dưỡng nuôi cháu Kim Ng và cháu Ánh Đ cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Tuyền xác định không yêu cầu anh Hoàng cấp dưỡng nuôi con và việc chị Tuyền không yêu cầu anh Hoàng phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX miễn xét.

[2.4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Hoàng đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Hoàng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải, đối chất về tài sản chung giữa chị T và anh H được. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tuyền xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì anh chị đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[2.5] Về nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Thanh Tuyền là nguyên đơn do đó phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Lê Thanh H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh Tuyền và anh Lê Thanh H.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 06/11/2006 và Lê Thị Ánh Đ, sinh ngày 25/05/2009 hiện đang sống cùng chị T, cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Tuyền không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Anh Lê Thanh Hoàng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng chị Tuyên đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005619, ngày 29 tháng 05 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA**

**Danh Pi Sách**



**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKS Huyện Châu Thành;
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà**

**Danh Pì Sách**



